



Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright

TẢN MẠN TOÀN CẦU HÓA

Vũ Thành TỰ Anh

Tháng 3 năm 2006

TẢN MẠN TOÀN CẦU HÓA^{1,2}

Vũ Thành Tự Anh

Toàn cầu hóa là một trong những từ được nhắc đến nhiều nhất trong thế giới của chúng ta ngày nay (nếu không tin bạn thử lên www.google.com và đánh vào chữ “globalization” mà xem.) Toàn cầu hóa cũng không phải là một hiện tượng gì mới lạ trong lịch sử phát triển của loài người, có mới đi chăng nữa chỉ là ở chỗ toàn cầu hóa thời nay xảy ra với tốc độ cao hơn, cường độ mạnh hơn, và phạm vi rộng lớn hơn rất nhiều so với những làn sóng toàn cầu hóa trước đây mà thôi.

Phổ biến là thế, lâu đời là thế, nhưng thật đáng ngạc nhiên, người ta lại rất khó trả lời và đi đến thống nhất về khái niệm toàn cầu hóa. Đối với Thomas Friedman (tác giả của “Chiếc Lexus và cây ô liu” và “Thế giới phẳng”) thì toàn cầu hóa là một thế lực không gì ngăn cản nổi, được thúc đẩy bởi những bước tiến dài trong các lĩnh vực công nghệ, truyền thông, tài chính v.v. cho phép con người, hàng hóa, thông tin, và các dòng vốn lưu chuyển xuyên biên giới với một quy mô chưa từng thấy, từ đó kiến tạo nên diện mạo của những con người tự do và những quốc gia thịnh vượng. Còn đối với Naomi Klein (cũng là một nhà báo, tác giả của “No Logo”) thì toàn cầu hóa là một thế lực ghê gớm nhưng mờ ám, bị thao túng bởi các tập đoàn quốc tế, có khả năng xóa nhòa ranh giới giữa giữa các quốc gia, san bằng các nền văn hóa, triệt tiêu vai trò của nhà nước - quốc gia (nation-state) và thủ tiêu các tiến trình dân chủ. Cũng có những người điềm tĩnh và trung dung hơn, như David Held (tác giả của “Global Transformations: Politics, Economics and Culture” và một vài cuốn sách khác về toàn cầu hóa) thì toàn cầu hóa là một phong trào rộng lớn trong lịch sử phát triển của loài người và có những hệ quả rộng lớn và sâu sắc đối với mọi mặt của đời sống con người, xã hội, và thế giới. Sự bất đồng này về quan điểm phản ánh phạm vi bao trùm và tính phức tạp của toàn cầu hóa: bao trùm đến nỗi hình như mỗi người đều thấy mình bị toàn cầu hóa tác động theo cách này cách khác, và phức tạp đến nỗi không một cá nhân nào có thể nhận thức đầy đủ về nó.

Nếu như toàn cầu hóa được quan niệm một cách khái quát như một *sự gia tăng các dòng chảy xuyên biên giới về con người, dịch vụ, vốn, thông tin và văn hóa* thì lịch sử loài người đã trải qua ba làn sóng toàn cầu hóa với mức độ và những đặc trưng rất khác nhau.

¹ Tôi xin chân thành cảm ơn Eli Mazur, đồng nghiệp của tôi trong môn học “*Toàn cầu hóa và Việt Nam*” tại Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright vì đã cung cấp cho tôi một số thông tin rất hữu ích được sử dụng trong bài viết này. Tài liệu của môn *Toàn cầu hóa và Việt Nam* được đăng tại <http://ocw.fetp.edu.vn/>

² Bài đăng trên Tạp chí Tia Sáng, số 5 ngày 5.3.2006 dưới nhan đề “*Toàn cầu hóa và vận hội của Việt Nam.*”

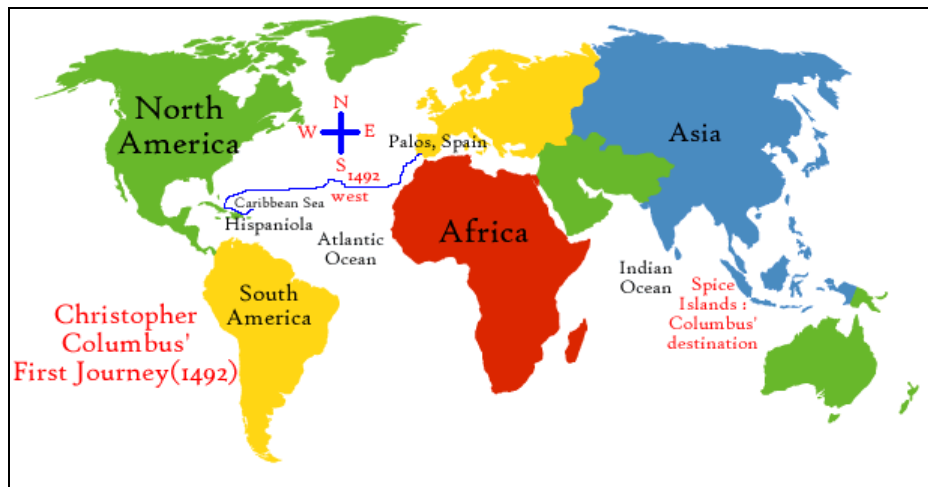
LÀN SÓNG TOÀN CẦU HÓA THỨ NHẤT (1492 – 1760)



La bàn trong thời Columbus

Làn sóng toàn cầu hóa thứ nhất được đánh dấu bởi sự kiện Christopher Columbus tình cờ phát hiện ra châu Mỹ và kéo dài cho đến cuối thế kỷ 18. Ban đầu, mục tiêu của Columbus không phải là châu Mỹ mà là Ấn-độ và châu Á. Tại sao vậy? Dưới thời đế chế Mông Cổ, sự hiện diện của con đường tơ lụa đã giúp Tây-ban-nha có được một nguồn cung ứng ổn định về gấm vóc, và quan trọng không kém (nếu không nói là quan trọng hơn) là gia vị, hương liệu, và chất bảo quản thực phẩm (spice). Nhưng khi đế chế Mông Cổ suy vong cũng là lúc những nhà buôn Ả-rập khôi phục lại khả năng phong tỏa con đường tơ lụa trên bộ và cho phép các thương nhân từ Venice được độc quyền buôn bán tơ lụa và gia vị. Trước tình trạng bất lợi ấy về thương mại, hoàng đế Tây-ban-nha đã quyết định tài trợ cho chuyến thám hiểm mà sau này sẽ đi vào lịch sử loài người của Columbus, với mục đích đi tìm một con đường tơ lụa mới trên biển. Ngay sau Columbus, các nước châu Âu khác cũng thi nhau cử những đoàn tàu vượt đại dương với cùng mục đích, và thời kỳ của những nhà thám hiểm và chinh phục đại dương bắt đầu.

Làn sóng toàn cầu hóa thứ nhất đã để lại nhiều hệ quả sâu sắc. Nếu như trước năm 1500, trình độ phát triển và điều kiện sống của con người trên thế giới (về thu nhập, tuổi thọ v.v.) tương đối đồng đều thì đến cuối thế kỷ 18, thế giới đã bị phân hóa một cách rõ nét. Đặc biệt, sự thăng trầm quyền lực của các quốc gia xảy ra với tốc độ khá nhanh. Trung Quốc là một ví dụ rất tiêu biểu, từ một nước dẫn đầu thế giới về gần như mọi phương diện trở thành một nước rơi vào sự đe dọa thường trực của phương tây. Cho đến thế kỷ 15, có thể nói Trung Quốc là đại cường quốc của thế giới và là quốc gia đi đầu trong hầu hết mọi lĩnh vực. Trung Quốc lúc bấy giờ chiếm 1/5 dân số thế giới và là một quốc gia (đồng thời cũng là thị trường) thống nhất với diện tích rộng mênh mông. Trung Quốc cũng là nước có hạm đội hải quân hùng mạnh nhất. Về thương mại, Trung Quốc hồi đó là một trong vài nước có thặng dư thương mại, và theo một số ước lượng thì thương mại đường biển của Trung Quốc lớn gấp 15 lần thương mại qua biển Baltic của cả châu Âu gộp lại. Về các mặt triết học, văn học, nghệ thuật, tôn giáo v.v. Trung Quốc đều có thể tự hào về những đóng góp của mình cho nền văn hiến của nhân loại.



Hành trình đầu tiên của Christopher Columbus (1492)

Một điều hết sức thú vị là quá trình giao lưu về mặt tư tưởng xảy ra song song với tiến trình toàn cầu hóa. Vào đầu thế kỷ 18, các nhà truyền giáo dòng Jesuit đã dịch nhiều tác phẩm triết học của Trung Quốc sang tiếng Pháp và được nhiều nhà khai sáng của châu Âu như Voltaire, Montesquieu, Diderot rất ngưỡng mộ. Các tư tưởng triết học Trung Hoa cũng được các nhà tư tưởng của trường phái Trọng Nông thời đó để ý. Tương truyền, chính François de Quesnay, cha đẻ của học thuyết trọng nông đã trở thành một “tín đồ” trung thành của Đạo Lão và **trong tác phẩm “Le despotisme de Chine” (Chủ nghĩa chuyên chế Trung Hoa) năm 1764 của mình, Quesnay dịch hai chữ “vô vi” thành ra “laissez-faire” trong tiếng Pháp để truyền đạt ý tưởng cho rằng nhà nước không nên can thiệp sâu vào đời sống xã hội mà hãy để nền pháp quyền dẫn dắt. Sau đó, tư tưởng “laissez-faire” được phản chiếu lại trong “bàn tay vô hình” của Adam Smith và trở thành viên đá tảng của chủ nghĩa tư bản thị trường tự do cho đến tận ngày nay.** Chính đa số người Trung Quốc hiện nay cũng không biết rằng di sản triết học của dân tộc mình đã đi vào nền văn minh châu Âu theo cách như thế, và điều mà dân tộc Trung Hoa đang cố gắng làm mấy chục năm trở lại đây không khác gì là việc trở lại với quan điểm “vô vi trị,” nhưng lần này là dưới sự ảnh hưởng của phương tây.

Làn sóng toàn cầu hóa thứ nhất cũng chứng kiến một sự di dân ồ ạt của những người nô lệ da đen. Tình trạng thiếu nhân công ở Anh, Pháp, và sau này ở châu Mỹ buộc các nước thực dân nô lệ hóa và cưỡng bức khoảng 10 triệu người da đen di cư từ châu Phi sang những nước này. Ngày nay, khi chúng ta đến vùng Ca-ri-bê sẽ thấy rất nhiều người da đen thì cũng nên biết rằng họ chưa chắc đã là hậu duệ trực tiếp của những người bản địa.

Làn sóng toàn cầu hóa thứ nhất thực chất là lịch sử của các cuộc chinh phạt và sự manh nha của chủ nghĩa thực dân. Về mặt kinh tế và quân sự, Trung Hoa đã phải dần lùi bước trước các nước phương tây với công nghệ giao thông và quân sự ưu việt hơn. Tuy nhiên, ngay trong giai đoạn này, chiến lược chinh phạt đã tự chứng minh tính không bền vững, không chỉ vì sức tàn phá của nó vô cùng to lớn của nó mà còn do, trên thực tế, chinh phạt là một “cuộc chơi có tổng bằng không”, và tất nhiên khi ấy không bên nào, cả kẻ thắng lẫn người thua chịu khoan tay chấp nhận hiện trạng cả.

LÀN SÓNG TOÀN CẦU HÓA THỨ HAI (1760 - 1914)

Làn sóng toàn cầu hóa thứ hai được đánh dấu bằng cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất khởi thủy từ nước Anh vào nửa cuối thế kỷ 18 và kéo dài cho đến thế chiến thứ nhất. Sự xuất

hiện của máy hơi nước, và sau đó là đường sắt, điện tín v.v. và cùng với nó là làn sóng toàn cầu hóa thứ hai đã đưa thế giới chuyển sang một quỹ đạo mới. Sức mạnh của động cơ hơi nước đã thay thế rất nhiều cho lao động nặng nhọc, đồng thời năng suất cao hơn cũng có nghĩa là từ nay thế giới có thể duy trì được một dân số lớn hơn. Hạnh phúc giờ đây không nhất thiết chỉ là một tâm chấn rất hẹp, trong đó người này kín thì kẻ khác phải hở. Chính điều này mở ra một triển vọng thay đổi bản chất của cuộc chơi có tổng bằng không và cho thế giới một tia hy vọng về hòa bình và thịnh vượng chung mà làn sóng toàn cầu hóa lần thứ nhất không thể đem lại.



Động cơ hơi nước của James Watt

Bên cạnh những điều thần kỳ mà cuộc cách mạng công nghiệp mang lại cho nước Anh cũng như một số nước công nghiệp khác thì thời kỳ này cũng chứng kiến sự hình thành nên một giai cấp mới – giai cấp vô sản bị bản cùng hóa. Bắt đầu từ đây xuất hiện một sự đối lập giữa một bên là giới chủ tư bản - chủ sở hữu của các tư liệu sản xuất, và bên kia là giai cấp công nhân được tự do bán sức lao động nhưng lại hoàn toàn vô sản. Cuộc đấu tranh giai cấp làm nên một phần lịch sử nhân loại cũng bắt đầu từ đây.

Một điều cũng đáng lưu ý nữa là sự xuất hiện giai cấp tư bản ở nhiều nước châu Âu đã làm biến đổi cấu trúc chính trị và đời sống xã hội của những nước này. Giai cấp tư bản mới đã trở thành một nhóm lợi ích có tiềm lực kinh tế mạnh mẽ nhất trong xã hội, và rất tự nhiên, trở thành đối trọng với tầng lớp thương nhân và quý tộc (chúa đất) đã hình thành từ trước. Giữa giai cấp tư sản và tầng lớp quý tộc tồn tại nhiều mâu thuẫn, nhưng có một mâu thuẫn trực tiếp và rất gay gắt liên quan tới thuế nông sản (còn được gọi là Luật Ngũ Cốc). Trong khi giai cấp tư sản muốn giảm thuế để giảm chi phí lao động thì tầng lớp quý tộc lại muốn duy trì một mức thuế cao để trực lợi, và cuối cùng phần thắng nghiêng về những nhà tư bản, người đại diện cho sức mạnh đang lên của công nghiệp hóa với tiềm lực tài chính hùng mạnh hơn. ***Mặc dù chiến thắng của giai cấp tư bản mới trước những nhà quý tộc đánh dấu một sự thay đổi quan trọng trong cán cân quyền lực giữa các nhóm lợi ích, nhưng có lẽ thay đổi quan trọng hơn cả chính là nhờ sự xuất hiện của một tầng lớp hữu sản có thể lực và tầng lớp***

trung lưu ngày càng rộng lớn mà nền dân chủ tư sản dần hình thành ở Anh và nhiều nước châu Âu.

Chúng kiến sự phát triển vượt bậc của nước Anh trong vòng vài chục năm kể từ khi bắt đầu công nghiệp hóa, các nước châu Âu khác (và sau đó cả Nhật và Mỹ) ý thức được rằng cuộc đua về sức mạnh kinh tế và quyền thống trị thế giới đến bây giờ mới thực sự bắt đầu. Chính cuộc cách mạng công nghiệp đã làm thay đổi bản chất của cuộc đua này: ***Cuộc đua giữa những người đi bộ hay ngựa đã chuyển thành cuộc đua của máy móc với tốc độ và công suất lớn gấp hàng ngàn, hàng vạn lần, và do vậy nguy cơ tụt hậu trở nên cấp thiết và hiện thực hơn bao giờ hết.*** Trên thực tế, nếu như vào đầu thế kỷ 18, dưới tác động của làn sóng toàn cầu hóa thứ nhất, thu nhập bình quân của các nước tây Âu chỉ cao hơn các nước đông Âu chừng 20% thì đến năm 1890, khoảng cách này đã lên tới 80%.

Trong cuộc đua này, nước Anh có một thuận lợi cơ bản vì nó có hệ thống thuộc địa rộng đến nỗi mặt trời không bao giờ lặn trên đồng bằng Anh. Cũng như nước Anh, các nước phương Tây khác lao như thiêu thân vào cuộc chiến giành thuộc địa vì thuộc địa rộng lớn hơn đồng nghĩa với việc có nguồn nhân công và nguyên liệu rẻ mạt dồi dào hơn để phục vụ công nghiệp hóa, là thị trường tiêu thụ rộng lớn hơn, là sức mạnh kinh tế và quân sự hùng mạnh hơn, là khả năng chinh phục và chiếm thêm được thuộc địa mới cũng như giành lại thuộc địa cũ từ tay kẻ khác. Kết quả là nếu như vào năm 1800, châu Âu mới kiểm soát 35% lãnh thổ trên thế giới, thì con số này tăng lên 67% vào năm 1878 và 85% vào năm 1914 – năm bắt đầu của thế chiến thứ nhất. ***Thế giới dường như đã rơi vào ngõ cụt khi một nước, để tránh thân phận thuộc địa, buộc phải thuộc địa hóa kẻ khác - và đây cũng là chiến lược thống trị của các quốc gia phương Tây, của Nhật và Mỹ trong làn sóng toàn cầu hóa thứ hai.***

Và điều gì phải đến đã đến. Châu Âu đã phải nhờ đến bàn tay của thần chiến tranh để giải quyết mâu thuẫn và sự bế tắc của mình. Châm ngòi cho cuộc chiến tranh này là sự tan rã của đế chế Ottoman, và điều này ngay lập tức mở ra cơ hội to lớn cho cuộc xâu xé thuộc địa đã sắp đến hồi kết. Năm 1911, Pháp chiếm Morocco. Năm 1912, Ý thôn tính Libya. Và kết quả là các nước khác vùng Balkan như Bosnia và Serbia đã nổi dậy đòi ly khai ra khỏi đế chế Ottoman. Ngay sau đó chiến tranh bùng phát, kéo dài gần 5 năm, lấy đi sinh mạng của 38 triệu con người, và tiêu hủy không biết bao nhiêu tài sản vật chất mà các nước phương tây phải ky cốp chặt vật trong suốt mấy thế kỷ trước đó. Tuy nhiên, hai người thắng trận là Anh và Pháp được cùng nhau chia sẻ miếng mồi là các thuộc địa của Đức và tiếp tục duy trì chiến lược thuộc địa hóa của mình. Mặc dù thế chiến thứ nhất thường được mệnh danh là “cuộc chiến chấm dứt mọi cuộc chiến”, nhưng trên thực tế cuộc chiến này đã không thể mang lại nền hoà bình cho châu Âu. Có chăng chỉ là một khung cảnh ảm đạm thê lương của một châu Âu thất thểu và kiệt sức sau cuộc đại chiến. Không những thế, như sau này chúng ta biết, đại chiến thế giới thứ hai có thể truy nguyên chính từ những gì còn chưa giải quyết xong của cuộc đại chiến thứ nhất.

GIỮA HAI LÀN SÓNG TOÀN CẦU HÓA (1914 - 1980)

Mâu thuẫn bên trong chủ nghĩa thực dân cũng như giữa người dân thuộc địa với các nước thực dân đã đặt dấu chấm hết cho làn sóng toàn cầu hóa thứ 2. Từ 1914 cho đến 1945, toàn cầu hóa hoàn toàn dừng lại. Siêu lạm phát ở Đức ngay sau chiến tranh, rồi đến cuộc đại khủng hoảng lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ năm 1929, sự xuất hiện của chủ nghĩa phát-xít ở Đức, rồi ở Ý và Nhật, cuộc chiến tranh thế giới thứ 2 v.v. tất cả đều dẫn tới cùng một đích: sự hủy diệt. Nhưng từ đồng tro tàn của thế chiến thứ hai, trong khi cả châu Âu gần như đã hoàn toàn

kiệt quệ thì nước Mỹ đã nổi lên và khẳng định mình như là một cường quốc mới với sứ mạng lãnh đạo làn sóng toàn cầu mới.

Thế chiến thứ 2 cũng đã cho thế giới thấy nhu cầu hợp tác và xích lại gần nhau giữa các quốc gia, và một số thể chế toàn cầu đã được hình thành ngay sau chiến tranh như UN, WB, IMF v.v. Tuy nhiên, trong những năm từ 1945 đến 1980, mặc dù làn sóng toàn cầu hóa trên thế giới có nhích lên chút ít nhưng không thể lan xa được do bị chặn đứng bởi bức màn thép và bởi vực thẳm khác biệt về ý thức hệ giữa hai phe xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Hệ quả là thương mại quốc tế trong giai đoạn này chủ yếu diễn ra trong nội bộ của mỗi phe nhưng có thể nói không có sự đột biến lớn lao nào (như ngoại thương, sự di dân, hay lưu chuyển dòng vốn) xảy ra trong giai đoạn này. Thuế quan gia tăng và thương mại thu hẹp trở lại. Vào năm 1950, tỉ trọng xuất khẩu so với GDP của toàn thế giới đã giảm xuống chỉ còn 5% - bằng con số của năm 1870! Đa số các nước đang phát triển theo đuổi chính sách hướng nội, thay thế nhập khẩu. Đáng lưu ý là chính trong lúc ấy, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, và Singapore, khi ấy vẫn còn là những nước nghèo đang phát triển, lại chọn một chiến lược khác hẳn, đặt trọng tâm vào xuất khẩu hàng công nghiệp chế tạo và nhờ đó đã có những bước nhảy vượt bậc. Thế giới đã xuất hiện một sự phân cực ngày càng rõ ràng hơn về mức độ giàu nghèo.

LÀN SÓNG TOÀN CẦU HÓA THỨ BA (1980 - ?)

Làn sóng toàn cầu hóa thứ ba chỉ thực sự nổi lên vào những năm 1980. Giai đoạn này được đánh dấu bởi sự gia tăng của công nghệ hóa, sự phát triển vận tải hàng không, cước phí thông tin liên lạc giảm đi một cách nhanh chóng, sự phát triển ứng dụng rộng rãi của công nghệ sinh học và điện tử, và sự xuất hiện và phát triển như vũ bão của internet!

Nếu thu gọn hệ quả của toàn cầu hóa trong thời đại ngày nay về một vài từ thì những từ đó có lẽ sẽ là tốc độ cao, khoảng cách nhỏ, mật độ cao, cường độ lớn! Không gian vật lý trong đời sống của con người đã được thu nhỏ lại rất nhiều kể từ những nỗ lực khám phá thế giới đầu tiên của Marco Polo, Vasco da Gama, Columbus v.v. hàng trăm năm trước. Nhưng



đáng lưu ý hơn, ***toàn cầu hóa gia tăng tốc độ và vì vậy thu hẹp khoảng cách không chỉ trong không gian vật lý mà còn trong mọi chiều kích của cuộc sống loài người, từ việc ăn, ở, mặc, đi lại, giải trí, tình thân, tình cảm, thông tin, tôn giáo, văn hóa v.v. Một hệ quả của việc thu hẹp khoảng cách là sự phụ thuộc lẫn nhau được cảm nhận mạnh mẽ hơn bao giờ hết.*** Chưa bao giờ cuộc sống hàng ngày của mỗi chúng ta lại phụ thuộc sâu sắc và trực tiếp vào những quyết định, hành động, sự kiện xảy ra cách xa chúng ta hàng ngàn dặm như ngày nay. Bin Laden vốn chẳng có chút liên hệ gì với chúng ta trở thành

một trong những nhân vật được biết tới nhiều nhất ở Việt Nam; dịch SARS khởi phát ở Trung Quốc và lan rộng khắp thế giới; sự kiện Việt Nam không gia nhập được WTO do sự chừa nhất trí với một số đối tác thương mại nước ngoài v.v. Những sự kiện này xảy ra cách chúng ta rất xa, và trong đã số trường hợp độc lập với ý chí của chúng ta, nhưng lại trở thành một phần quan trọng trong cuộc sống hàng ngày của đại bộ phận người dân Việt Nam.

Một lần nữa, thế giới bước vào một bước ngoặt, và khi gia tốc của thế giới tăng lên không ngừng thì chỉ cần chậm chân (chứ chưa nói đến xảy chân) thì tụt hậu và lạc đường là hệ quả tất yếu. Trong khi những năm 1980 được mệnh danh là “một thập niên bị đánh mất” của các nước châu Mỹ Latin, và trong khi phần lớn các nước châu Phi tiếp tục hứng chịu hậu quả từ nội chiến, những xung đột và chính sách kém cỏi của nhà nước thì hai người khổng lồ Ấn Độ và Trung Quốc đã bừng tỉnh. Hai nước này đã quyết định đưa nền kinh tế ra khỏi quỹ đạo cũ để hòa mình vào trào lưu chung của thế giới. Công cuộc mở cửa nền kinh tế và phát triển theo hướng thị trường hóa đã mang lại cho hai quốc gia này những thành tựu về kinh tế rất đáng khâm phục, Ấn-độ duy trì mức tăng trưởng bình quân 6-7% kể từ đầu những năm 1990, còn ở Trung Quốc là 8-9% trong suốt hơn 20 năm trở lại đây. Đáng lưu ý, điều thần kỳ chỉ này không chỉ xảy ra với Ấn-độ và Trung Quốc mà xảy ra với hầu hết những nước biết tận dụng sức mạnh của toàn cầu hóa. Trong một nghiên cứu gần đây Ngân hàng Thế giới đã phát hiện ra rằng giữa năm 1980 và 1997, thu nhập bình quân đầu người của nhóm nước toàn cầu hóa tăng thêm 70%, trong khi con số này ở nhóm nước có mức độ toàn cầu hóa thấp hơn chỉ là 10%. Hơn thế, ở nhóm nước toàn cầu hóa, tỉ lệ phổ cập tiểu học tăng nhanh hơn, mặt bằng thuế hạ thấp hơn, và hệ thống luật pháp cũng được cải thiện hơn.

THAY CHO LỜI KẾT

Toàn cầu hóa là một hiện thực mới ở Việt Nam. Chúng ta mới chỉ thực sự làm quen với toàn cầu hóa trong vòng 20 trở lại đây. Nhớ lại là vào cuối thế kỷ 15, khi làn sóng toàn cầu hóa thứ nhất bắt đầu thì dân tộc ta vẫn còn bế tắc dưới thời vua Lê, chúa Trịnh; và đèo Ngang vẫn còn sừng sững trên tiến trình nam tiến của dân tộc. Trong làn sóng toàn cầu hóa thứ hai, chúng ta, lại một lần nữa, không phải là người trong cuộc. ***Nếu như dân tộc ta đã không có ý thức về làn sóng thứ nhất thì chúng ta đã chủ động chỗi bỏ một cách có ý thức làn sóng thứ hai. Rất may là đối với làn sóng toàn cầu hóa thứ ba này dân tộc ta đã có ý thức hơn và đã chủ động hòa mình vào làn sóng ấy, dám chấp nhận vị mặn chát của nó để đổi lấy sức mạnh của đại dương. Chỉ có tinh thần ấy mới tương xứng với những cơ hội và thách thức to lớn mà toàn cầu hóa đang đem lại cho dân tộc chúng ta.***

Nghịch lý của toàn cầu hóa là nó có thể biến mọi điều thành có thể và ngược lại. Nó có thể tước đoạt hoặc gia tăng quyền lực. Nó có thể đồng hóa, làm nghèo đi, đồng thời cũng có thể làm cho các nền văn hóa giao tiếp, xẻ chia, và cùng trở nên phong phú. Nó mở ra triển vọng phát triển, nhưng cũng có thể khiến mọi người ôm giữ chặt hơn “cây ô liu” truyền thống. Toàn cầu hóa có nghĩa là chúng ta vừa lớn lên lại vừa nhỏ lại, vừa mạnh lên đồng thời lại vừa yếu đi... Tuy nhiên, ***một bài học sâu sắc từ lịch sử là mọi cơ hội và thách thức gắn liền với toàn cầu hóa đều chỉ là những khả năng, và xác suất để những khả năng này trở thành (hay không trở thành) hiện thực phụ thuộc rất nhiều vào sự sáng suốt, thức thời và chuẩn bị của chúng ta. Toàn cầu hóa như thời tiết. Vấn đề không phải là trốn tránh hay cố tình phủ nhận nó, mà là hiểu được những quy luật của nó, từ đó thuận theo, thích nghi, đồng thời hạn chế tác hại của nó.***